

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-PT

Ngày: 25-6-2021

"V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu và bà Phạm Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham dự phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Huế - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2021/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng xây dựng; do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐXX-PT ngày 22 tháng 4 năm 2021, các Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo về việc mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty E

Địa chỉ trụ sở: Lô 15 khu công nghiệp Q, thị trấn QM, huyện ML, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh H; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Nha Tr; chức vụ: Trưởng phòng Pháp chế; ông Nguyễn Minh C; chức vụ: Chuyên viên phòng Pháp chế; bà Võ Thị Thu H1; chức vụ: Chuyên viên phòng Pháp chế; ông Nguyễn Quang Ph; chức vụ: Chuyên viên phòng Pháp chế. Địa chỉ liên hệ: Tầng 7 Tòa nhà E, số 02 TT, phường Tr, quận Đ, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền số 480/UQ-EW ngày 02/4/2021 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần E); có mặt ông Nguyễn Minh C.

2. Bị đơn: Công ty M.7

Địa chỉ trụ sở: Số 245 đường Nguyễn Lương B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Hữu V; chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kiên Đ; chức vụ: Kế toán trưởng Công ty M.7 (Giấy ủy quyền số 26.4.21/UQ/CTCP ngày 26/4/2021 của Giám đốc Công ty M.7) và ông Lê Huy C; địa chỉ: Phòng 1204, tòa nhà CT12C, khu đô thị K, phường ĐK, quận H, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền số 2810/UQTT/2020 ngày 28/10/2020 của Công ty M.7); có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Tiến Q - Công ty Luật TNHH MTV Ph, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phòng 1204, tòa nhà CT12C, khu đô thị K, phường ĐK, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Công ty M.7

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Công ty E trình bày: Ngày 26/9/2012, Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình tỉnh V (Ban quản lý tỉnh V) và Công ty M giao kết Hợp đồng số 68/2012/HĐ-XD về việc: Thi công xây lắp gói thầu xây dựng phần thân thuộc dự án đầu tư xây dựng Công trình nhà hát tỉnh V (Hợp đồng số 68). Trên cơ sở Hợp đồng số 68, ngày 03/10/2012 Công ty M và Công ty M.7 đã ký Hợp đồng giao nhận thầu số 02/2012/HĐKT 18-18.7 (Hợp đồng số 02) theo đó: Công ty M với tư cách là công ty mẹ ủy quyền cho Công ty M.7 với tư cách là công ty con tổ chức thực hiện hợp đồng thi công gói thầu xây dựng phần thân của Nhà hát tỉnh V. Trên cơ sở Hợp đồng số 68, ngày 15/12/2014 Công ty M.7 và Công ty E đã ký Hợp đồng giao nhận thầu số 1413495/911797/DA (Hợp đồng số 1413495) và ngày 20/01/2015 hai bên ký Phụ lục hợp đồng, theo đó: Công ty M.7 giao và Công ty E đồng ý nhận thi công phần tường kính mặt ngoài và cửa sổ là một hạng mục công trình Nhà hát tỉnh V. Giá trị hợp đồng là 32.514.798.000 đồng bao gồm 10% thuế VAT. Công ty E phải nộp cho Công ty M.7 phí thầu chính bằng 3,5% giá trị hợp đồng sau mỗi lần nhận được tiền từ chủ đầu tư. Về điều khoản thanh toán: Sau khi nghiệm thu hoàn tất toàn bộ công trình Công ty E nộp đủ cho Công ty M.7 hồ sơ quyết toán, Công ty M.7 thanh toán cho Công ty E 85% tổng giá trị hoàn thành; trả tiếp 12% căn cứ trên giá trị quyết toán khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trả nốt 03% sau khi kết thúc bảo hành công trình. Sau 05 ngày kể từ ngày chủ đầu tư chuyển tiền cho hạng mục "Tường kính và cửa kính" về tài khoản của Công ty M.7 nếu Công ty M.7 không thanh toán cho Công ty E thì phải trả lãi với mức lãi suất 01%/tuần.

Công ty E đã triển khai thực hiện toàn bộ khối lượng công việc theo hợp đồng. Ngày 11/02/2015, hai bên lập Phiếu thanh toán đợt 1 với số tiền Công ty E được hưởng là 7.736.774.795 đồng, ngày 11/02/2015 Công ty E đã xuất hóa đơn cho Công ty M.7. Ngày 28/6/2015 hai bên lập Phiếu thanh toán đợt 2 với số tiền 22.624.726.391 đồng, ngày 29/6/2015 Công ty E đã xuất hóa đơn cho Công

ty M.7. Ngày 04/7/2018 hai bên ký Bảng tổng hợp khối lượng giá trị quyết toán trong đó xác nhận giá trị thanh quyết toán công trình là 30.258.731.000 đồng. Từ ngày 14/02/2015 cho đến ngày 08/10/2019 (trước khi Công ty E khởi kiện tại Tòa án) Công ty M.7 đã thanh toán cho Công ty E số tiền 25.250.000.000 đồng. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ngày 21/01/2020 Công ty M.7 đã trả 500.000.000 đồng; ngày 15/9/2020 trả 500.000.000 đồng; ngày 25/9/2020, trả 300.000.000 đồng; ngày 26/10/2020 trả tiếp 700.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty M.7 đã trả cho Công ty E là 27.250.000.000 đồng trên tổng số tiền phải thanh toán là 30.258.731.000 đồng.

Công ty E yêu cầu Công ty M.7 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại sau khi trừ đi số tiền đã trả và số tiền được hưởng trích nộp (3,5%) là 2.045.953.195 đồng, đồng thời yêu cầu Công ty M.7 phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc nêu trên với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 06/4/2019 (sau 05 ngày kể từ ngày Công ty M thanh toán toàn bộ tiền cho Công ty M.7 theo Hợp đồng số 02) đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 340.423.879 đồng; yêu cầu Công ty M.7 phải tiếp tục trả lãi trên số tiền dư nợ gốc còn lại với mức lãi suất 10%/năm từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong.

[2]. Người đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty M.7 trình bày thống nhất với nguyên đơn về quá trình ký kết và nội dung các hợp đồng xây dựng, hợp đồng giao thầu như trên. Tổng giá trị theo Hợp đồng số 1413495 là 32.514.798.000 đồng, giá trị quyết toán là 30.258.731.000 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, đại diện hợp pháp của Công ty M.7 xác định: Tại điều 3 Hợp đồng số 1413495 hai bên thống nhất thỏa thuận Công ty E phải nộp phí cho Công ty M.7 bằng 3,5% giá trị quyết toán mỗi lần nhận tiền, theo đó Công ty M.7 đã trả cho Công ty E 25.750.000.000 đồng theo các giấy ủy nhiệm chi và các lần thanh toán. Tuy nhiên, hai bên chưa xác định giá trị 3,5% mà Công ty M.7 được hưởng. Do vậy, nếu trừ giá trị 3,5% thì Công ty M.7 chỉ còn chưa thanh toán cho Công ty E là 3.449.675.415 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của Công ty E, đại diện Công ty M.7 đề nghị hai bên tiến hành xác định lại giá trị mà Công ty M.7 còn phải thanh toán cho Công ty E với số tiền là 3.449.675.415 đồng và để các bên có cơ sở thực hiện, Công ty M.7 đề nghị Công ty E phải xuất hóa đơn quyết toán đối với tổng giá trị quyết toán là 30.258.731.000 đồng; phối hợp cùng Công ty M.7 ký các biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo đúng quy định, đối với yêu cầu tính lãi suất Công ty M.7 không chấp nhận vì những lý do đã trình bày ở trên.

Quá trình hòa giải tại cấp sơ thẩm, đại diện Công ty M.7 lại xác định không nợ Công ty E vì: Tổng giá trị viết hóa đơn lớn hơn giá trị quyết toán; toàn bộ hồ sơ nghiệm thu, thanh lý, biên bản bàn giao đưa vào sử dụng, xác nhận giá trị quyết toán giữa hai công ty không có, chưa xác định rõ giá trị trích nộp nên không đủ cơ sở để Công ty M.7 thanh toán giá trị tiếp theo. Đối với yêu cầu tính lãi Công ty M.7 không chấp nhận vì các khoản thanh toán theo hợp đồng đã thanh toán hết, các phần tiếp theo chưa có cơ sở thanh toán. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty M.7 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty M.7 xác định kể từ thời điểm ngày 21/01/2020 đến ngày 26/10/2020

Công ty M.7 đã trả tiếp nhiều lần cho Công ty E với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng. Vì Công ty E vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký, cụ thể là chưa hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán, chưa nghiệm thu để đưa công trình vào sử dụng, không thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo hợp đồng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng không đúng với giá trị quyết toán, xác định giá trị trích nộp 3,5% theo hợp đồng không đúng. Do vậy, Công ty M.7 chưa xác định được giá trị cụ thể mà Công ty M.7 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty E nên không có căn cứ để thanh toán tiền gốc cũng như tiền lãi phát sinh.

[3]. Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2020/KDTM-ST ngày 25/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty E. Buộc Công ty M.7 phải thanh toán trả Công ty E tổng số tiền 2.386.377.074 đồng gồm: Tiền nợ gốc chưa thanh toán là 2.045.953.195 đồng; tiền lãi chậm thanh toán của số nợ gốc 2.045.953.195 đồng tính từ ngày 06/4/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2020) là 340.423.879 đồng. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, nếu Công ty M.7 không thanh toán trả nợ cho Công ty E thì phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

[4]. Ngày 07/12/2020 Công ty M.7 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xác định: Ngày 22/6/2017 Công ty M mới bàn giao công trình Nhà hát tỉnh V cho Ban quản lý tỉnh V, ngày 22/6/2019 mới hết hạn bảo hành công trình. Theo Hợp đồng số 1413495, sau khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, Công ty M.7 mới phải trả nốt 3% giá trị hợp đồng được quyết toán. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi đối với 3% giá trị hợp đồng được quyết toán từ thời điểm ngày 06/4/2019 là trước thời hạn trả nợ gây thiệt hại cho Công ty M.7.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hợp đồng số 1413495 ngày 15/12/2014 giữa Công ty M.7 và Công ty E được ký kết giữa các bên có đủ năng lực chủ thể, hình thức, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên là hợp đồng hợp pháp. Giá trị của hợp đồng là 32.514.798.000 đồng bao gồm 10% thuế VAT, giá trị quyết toán là 30.258.731.000 đồng, Công ty M.7 đã trả Công ty E tổng số tiền 27.250.000.000 đồng, chưa thanh toán 3.008.731.000 đồng.

[2]. Về số tiền phí thầu chính Công ty E phải trả cho Công ty M.7

Mặc dù Điều 3 Hợp đồng số 1413945 giá trị của hợp đồng là 32.541.798.000 đồng bao gồm cả 10% thuế VAT, phí thầu chính là 3,5% giá trị hợp đồng sau mỗi lần nhận được tiền từ chủ đầu tư. Tuy nhiên, tại Phiếu thanh toán đợt 1 ngày 11/02/2015 (BL62), Phiếu thanh toán đợt 2 ngày 26/8/2015 (BL60), Công văn số 6571/2018/EW ngày 04/7/2018 về việc đề nghị thanh toán của Công ty E (BL 34), Công văn số 60/L18.7-TCKT ngày 22/7/2019 về việc cam kết thanh toán của Công ty M.7 (BL59), Công văn số 28.09/L18.7-TCKT ngày 28/9/2020 về việc cam kết thanh toán của Công ty M.7 (BL 601) Công ty E và Công ty M.7 đều xác định khoản phí thầu chính 3,5% Công ty M.7 được hưởng tính trên giá trị quyết toán trước thuế thành tiền là 962.777.805 đồng. Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên thừa nhận và xác định thống nhất với nhau tỉ lệ 3,5% trích trả phí thầu chính tính trên tổng giá trị quyết toán với chủ đầu tư khi chưa tính thuế. Cấp sơ thẩm xác định Công ty E phải nộp phí thầu chính cho Công ty M.7 số tiền 962.777.805 đồng và đối trừ vào nghĩa vụ thanh toán của Công ty M.7 đối với Công ty E là phù hợp. Như vậy, sau khi đối trừ phí thầu chính, Công ty M.7 còn nợ Công ty E 2.045.953.195 đồng.

[3]. Phần Tường kính mặt ngoài và cửa sổ công trình Nhà hát tỉnh V do Công ty E nhận thi công theo Hợp đồng số 1413495 là một hạng mục thuộc phần thân của công trình Nhà hát tỉnh V do Công ty M giao cho Công ty M.7 thi công theo Hợp đồng số 02. Theo cung cấp của Công ty M, ngày 16/6/2017 Công ty M và Công ty M.7 đã ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình, hạng mục công trình theo Hợp đồng số 02 về việc xây dựng phần thân công trình Nhà hát tỉnh V trong đó bao gồm cả phần hạng mục công việc do Công ty E thực hiện theo Hợp đồng số 1413495; ngày 24/3/2018 Công ty M và Công ty M.7 đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng số 02; ngày 31/5/2018 Công ty M và Công ty M.7 đã lập Phiếu giá quyết toán đối với Hợp đồng số 02, trong đó bao gồm cả phần quyết toán giá trị công việc do Công ty E thực hiện là 30.258.731.913 đồng; ngày 01/8/2019 Ban quản lý tỉnh V và Công ty M đã ký Biên bản xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng theo Hợp đồng số 68 trong đó bao gồm cả phần do Công ty E thực hiện. Trong thời gian bảo hành công trình, Công ty M không có văn bản nào yêu cầu Công ty M.7 thực hiện nghĩa vụ bảo hành cho phần việc đã thực hiện theo Hợp đồng số 02. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty E đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng số 1413495 gồm cả nghĩa vụ bảo hành công trình. Công ty M.7 không đồng ý thanh toán tiền cho Công ty E với lý do chưa hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán, chưa nghiệm thu để đưa công trình vào sử dụng, không thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo hợp đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn

Tại điểm a Điều 6 của Hợp đồng số 1413495 quy định: Công ty M.7 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền sau khi đã trừ các khoản phải thu theo hợp đồng trong vòng 05 ngày khi tiền từ chủ đầu tư chuyển cho hạng mục "Tường kính và cửa kính" về tài khoản của Công ty M.7, nếu Công ty M.7 không thanh

toán cho Công ty E thì sẽ phải trả lãi 01%/tuần. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2020 (BL533) giữa Công ty M và Công ty M.7 thể hiện: Công ty M đã thanh toán toàn bộ giá trị Hợp đồng số 02 cho Công ty M.7 vào ngày 01/4/2019. Như vậy, ngày đầu tiên Công ty M.7 chậm thanh toán cho Công ty E là ngày 06/4/2019 nên Công ty M.7 có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận. Tài liệu hồ sơ thể hiện, ngày 27/3/2015 giữa đại diện nhà thầu thi công là Công ty M và đại diện Tư vấn giám sát là Viện khoa học công nghệ xây dựng đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công xây dựng đối với toàn bộ phần nhôm kính do Công ty E thực hiện. Theo Điều 8 Hợp đồng số 1413495 ngày 27/3/2017 là thời điểm hết thời hạn bảo hành và nghĩa vụ bảo hành của Công ty E. Do vậy, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm về việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi đối với 3% giá trị hợp đồng được quyết toán trước khi thời hạn bảo hành công trình kết thúc là không có căn cứ chấp nhận.

Theo điểm d khoản 2 Điều 42 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng thì “Bên giao thầu chậm thanh toán thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do ngân hàng thương mại mà bên nhận thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu”. Tài liệu hồ sơ thể hiện, tại thời điểm Công ty M.7 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mức tính lãi suất quá hạn do Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội là ngân hàng nơi Công ty E mở tài khoản công bố là 15%/năm. Công ty E tự nguyện yêu cầu tính mức lãi suất làm tròn là 10%/năm trên số dư nợ gốc còn lại tại thời điểm xét xử sơ thẩm sau khi đã đối trừ phí thầu chính kể từ ngày 06/4/2019 đến hết ngày 25/11/2020 là có lợi cho Công ty M.7. Cấp sơ thẩm buộc Công ty M.7 phải trả lãi suất chậm thanh toán cho Công ty E số tiền lãi này là có căn cứ.

Tại Hợp đồng số 1413945 các bên có thỏa thuận về lãi suất, nên Công ty E yêu cầu Công ty M.7 phải trả lãi suất trên số tiền nợ gốc kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm như đã phân tích ở trên là có căn cứ chấp nhận theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[6]. Công ty M.7 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty M.7. Giữ nguyên các quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Buộc Công ty M.7 phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0004949 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Công ty M.7 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu